

Số: 26/2025/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án khu vực Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án khu vực Phú Thọ tại Tờ trình số 01/TTr-BDA ngày 13 tháng 8 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án khu vực Phú Thọ.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Quản lý dự án khu vực Phú Thọ (sau đây viết tắt là Ban Quản lý dự án) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban Quản lý dự án có tư cách pháp nhân; có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; được mở tài khoản tại ngân hàng thương mại theo quy định.

2. Ban Quản lý dự án khu vực Phú Thọ trực tiếp làm chủ đầu tư đối với các dự án được giao và thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp khác; tham gia tư vấn quản lý dự án khi cần thiết.

3. Ban Quản lý dự án khu vực Phú Thọ chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

4. Trụ sở làm việc: Tại số 215 - 215A đường Minh Lang, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư, gồm:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư theo quy định tại Điều 68 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13, trực tiếp quản lý đối với những dự án do người quyết định đầu tư giao và thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 69 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

b) Các nhiệm vụ trong giai đoạn chuẩn bị dự án:

- Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng; Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án theo quy định của pháp luật khi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

- Tổ chức lập, trình thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch xây dựng làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng;

- Tổ chức khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án đầu tư xây dựng (hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật); tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng (hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật), trình thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng theo quy định;

- Tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định;

- Thực hiện các thủ tục liên quan đến sử dụng đất đai, tài nguyên, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ cảnh quan, môi trường, phòng chống cháy nổ có liên quan đến lập dự án đầu tư xây dựng;

- Tiếp nhận, giải ngân vốn đầu tư; yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về lập, quản lý dự án; thực hiện các công việc cần thiết khác liên quan đến chuẩn bị dự án;

c) Các nhiệm vụ trong giai đoạn thực hiện dự án:

- Phối hợp với cơ quan, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng xây dựng; thực hiện các thủ tục rà phá bom mìn, vật nổ (nếu có); thực hiện các thủ tục thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư về thu hồi, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án;

- Tổ chức khảo sát xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng; thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng (đối với công trình theo quy định phải có giấy phép xây dựng);

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng, hợp đồng khác đối với gói thầu không có cấu phần xây dựng (mua tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc); Thực hiện công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng theo quy định; giám sát quá trình thực hiện; giám sát, đánh giá đầu tư xây dựng; giải ngân, thanh toán khối lượng hoàn thành; các công việc cần thiết khác liên quan đến thực hiện dự án;

d) Các nhiệm vụ giai đoạn kết thúc xây dựng:

Tổ chức nghiệm thu bàn giao công trình, gói thầu hoàn thành đưa vào sử dụng, bàn giao các hồ sơ liên quan; quyết toán hợp đồng xây dựng; quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; bảo hành công trình xây dựng; các công việc cần thiết khác;

đ) Các nhiệm vụ quản lý tài chính và giải ngân: Tiếp nhận, giải ngân vốn theo tiến độ thực hiện dự án và hợp đồng ký kết với nhà thầu xây dựng; thực hiện chế độ quản lý tài chính, tài sản của Ban quản lý dự án theo quy định;

e) Các nhiệm vụ hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình: Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ và lưu trữ thông tin; cung cấp thông tin và giải trình chính xác, kịp thời về hoạt động của Ban quản lý dự án theo yêu cầu của người quyết định đầu tư và của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Các nhiệm vụ giám sát, đánh giá và báo cáo: Thực hiện giám sát đánh giá đầu tư theo quy định pháp luật; định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện dự án với người quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án, gồm:

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quản lý dự án theo đúng quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Luật Xây dựng;

b) Tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng bảo đảm yêu cầu về tiến độ, chất lượng, khối lượng, chi phí, an toàn và bảo vệ môi trường trong xây dựng;

c) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án khác do người quyết định đầu tư giao.

3. Giám sát thi công xây dựng công trình khi đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện tư vấn quản lý dự án cho các dự án khác hoặc thực hiện một số công việc tư vấn trên cơ sở bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ quản lý dự án được giao và đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực khi thực hiện công việc tư vấn quản lý dự án theo quy định tại khoản 4, điểm c khoản 5 Điều 25; Điều 85 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ.

5. Trực tiếp quản lý, vận hành, khai thác sử dụng công trình khi được người quyết định đầu tư giao.

6. Quản lý về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, tài chính, tài sản và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức, số lượng người làm việc và cơ chế tài chính

1. Lãnh đạo Ban Quản lý dự án, gồm có: Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc là người đứng đầu Ban Quản lý dự án, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý dự án.

b) Các Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án, là người giúp Giám đốc thực hiện một số nhiệm vụ do Giám đốc ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ cụ thể, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Quản lý dự án và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

c) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án thực hiện theo quy định về phân cấp của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kế toán trưởng: 01 Kế toán trưởng.

a) Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác tài chính, tài sản của Ban Quản lý dự án, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ của Kế toán trưởng.

b) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, từ chức, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý tổ chức, cán bộ của tỉnh.

3. Phòng chuyên môn, nghiệp vụ: Gồm 08 phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Kế hoạch - Đấu thầu;

c) Phòng Kỹ thuật - Thẩm định;

d) Phòng Tài chính - Kế toán;

đ) Phòng Quản lý dự án I;

e) Phòng Quản lý dự án II;

g) Phòng Quản lý dự án III;

h) Phòng Quản lý dự án IV.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, viên chức làm chuyên môn, nghiệp vụ; hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ. Số lượng Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ.

4. Số lượng người làm việc:

a) Là số lượng người làm việc tự chủ được phê duyệt hàng năm theo thẩm quyền phù hợp với vị trí việc làm của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, khối lượng công việc được giao và khả năng tài chính của đơn vị, Giám đốc Ban Quản lý dự án xây dựng Đề án vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và xác định số lượng người làm việc của Ban. Việc quản lý, xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc; tuyển dụng, bố trí, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động của Ban Quản lý dự án phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, cơ cấu ngạch viên chức theo phân cấp quản lý về công tác tổ chức cán bộ của tỉnh và quy định của pháp luật;

c) Căn cứ nhiệm vụ được giao, yêu cầu công việc, kế hoạch số lượng người làm việc đã được phê duyệt và khả năng tài chính của Ban Quản lý dự án, Giám đốc Ban Quản lý dự án ký hợp đồng lao động để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định hiện hành.

5. Về cơ chế tài chính:

a) Ban Quản lý dự án là đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ và tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ.

b) Cơ chế hoạt động: Ban Quản lý dự án hoạt động theo quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ của Ban Quản lý dự án, các Thông tư hướng dẫn về định mức chi tiêu tài chính hiện hành và phù hợp với quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, hoạt động đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Trách nhiệm của Giám đốc Ban Quản lý dự án khu vực Phú Thọ

1. Ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý dự án.

2. Phân công nhiệm vụ đối với Giám đốc Ban, các Phó Giám đốc Ban, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Kế toán trưởng, viên chức và người lao động thuộc Ban Quản lý dự án.

3. Ban hành Quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, các quy chế khác của Ban Quản lý dự án; các quy định khác có liên quan bảo đảm điều hành, hoạt động của Ban Quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

4. Xây dựng Đề án vị trí việc làm và lập kế hoạch số lượng người làm việc; Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Ban Quản lý dự án; Quyết định số lượng người làm việc của Ban Quản lý dự án; Thống kê, tổng hợp vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị, báo cáo cấp có thẩm quyền.

5. Đảm bảo chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

6. Thực hiện quy định công khai, trách nhiệm giải trình hoạt động của Ban Quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Thọ.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Ban Quản lý dự án khu vực Phú Thọ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Trần Duy Đông